

Bản án số: 79/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 29/12/2023

“V/v ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu

Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ An Quân; ông Đinh Ngọc Phú.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 705/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2023/QĐST - HNGĐ ngày 13/12/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đào Thị H, sinh năm 2000.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Khu dân cư K, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Phạm Trung H, sinh năm 1993.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Số 43 D (B), khu 12, phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

***Người làm chứng:**

- Bà Nghiêm Thị T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 43 D, khu 12, phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

- Chị Đào Thị H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khu 1, phường V, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

- Ông Đào Văn Th, sinh năm 1965 và bà Vương Thị Ngh, sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu dân cư K, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Đào Thị H trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Phạm Trung H kết hôn với nhau vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống chung cùng bố mẹ đẻ anh H. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H chơi bời, rượu chè, thường xuyên đi chơi đến hai, ba giờ đêm hoặc đến sáng mới về nhà. Chị có khuyên bảo anh H thì anh H chửi bới, đánh đập chị, có lần khi chị đang mang thai anh H còn đánh, đẩy chị từ trên cầu thang xuống dưới. Từ khi kết hôn do anh H chửi bới, đánh đập chị nên chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó anh H lại xuống đón mẹ con chị về chung sống, vì nghĩ đến con nên chị đã về chung sống cùng anh H nhưng anh H vẫn không thay đổi tính nết. Từ tháng 08 năm 2021 đến nay do không chịu đựng được tính cách của anh H nên chị và con đã về hẳn nhà bố mẹ đẻ chị tại khu dân cư K, phường T, thành phố Hải Dương ở. Thời gian đầu khi chị bỏ về được gần 02 tháng thì anh H muốn nuôi con và bảo chị quay về nhưng chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên không về chung sống cùng anh H. Từ đó đến nay anh H không lần nào tìm chị về chung sống. Gia đình hai bên có khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị không về. Từ khi chị gửi đơn ly hôn chị đã nhiều lần gọi điện cho anh H bảo anh H đến Tòa để giải quyết ly hôn, anh H nói với chị đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc có tình gây khó khăn cho chị trong việc giải quyết ly hôn. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để chị ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Chị H và anh H có 01 con chung là Phạm Tuệ N, sinh ngày 27/02/2020. Do hiện nay cháu N còn nhỏ nên chị H xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa trình bày quan điểm.

Người làm chứng bà NghiêM Thị T (mẹ đẻ anh H) trình bày:

Anh H là con trai bà còn chị H là con dâu bà. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H, chị H chung sống cùng gia đình bà. Quá trình chung sống vợ chồng có thỉnh thoảng cãi nhau do mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình. Khi sinh con được 08 tháng chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sau đó lại quay về chung sống cùng anh H, đến tháng 8 năm 2021 thì chị H về ở hẳn nhà bố mẹ đẻ. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng chị H, anh H không về chung sống với nhau. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh H bà Tuyên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị H và anh H có 01 con chung, hiện nay đang ở với chị H. Về tài sản chung vợ chồng không có gì.

Anh H hiện đi làm theo công trình trong Miền nam, chỗ ở không cố định, thỉnh thoảng anh H mới về nhà. Anh H không nói cho gia đình bà biết địa chỉ cụ thể hiện ở đâu. Tòa án giao cho bà các văn bản tố tụng để nhờ bà thông báo cho anh H, mỗi lần nhận được bà đều thông báo đến anh H về thời gian Tòa án triệu tập anh H đến làm việc, anh H nói với bà không về Tòa án tham gia tố tụng được, quan điểm của anh H đồng ý ly hôn chị H, về con chung nếu chị H không nuôi con

thì anh H sẽ nuôi, về tài sản chung vợ chồng không có.

Người làm chứng chị Đào Thị H (chị gái chị H) trình bày:

Chị là chị gái chị H và là chị vợ của anh H. Chị H, anh H kết hôn với nhau vào năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sống chung cùng bố mẹ anh H. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị H, H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Anh H thường xuyên đi chơi về muộn và đánh đập chị H. Mỗi lần anh H đánh chị H thì chị H đều gọi điện cho chị kể sự việc. Có lần anh H còn đánh chị H sưng mặt, tím tay lên. Do anh H thường xuyên đánh đập chị H nên chị H nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ ở sau đó anh H xuống xin lỗi thì chị H lại quay về sống cùng anh H nhưng tính cách anh H không thay đổi. Từ cuối tháng 8 năm 2021 đến nay chị H về nhà bố mẹ để ở, anh H cũng không lần nào tìm chị H về chung sống. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Đào Văn Th và bà Vương Thị Ngh trình bày:

Ông bà là mẹ đẻ chị H và là mẹ vợ của anh H. Chị H, anh H kết hôn với nhau vào năm 2019, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau do không hợp nhau về quan điểm sống, anh H không chịu làm ăn, chơi bời, rượu chè. Anh H còn đánh chị H khi chị H đang mang thai. Gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi. Chị H đã về ở với ông bà từ tháng 9 năm 2021 đến nay. Nay ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn để chị H ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống chị H và anh H có 01 con chung là Phạm Tuệ Nhi. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H nuôi con, ông bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ chị H trông nom con khi chị H đi làm. Chị H và anh H không có tài sản chung, nợ chung.

Xác minh với ông Lương Văn Ng (trưởng khu) và bà Nghiêm Thị Th (Chi hội trưởng phụ nữ) khu 12, phường B trình bày: Chị H và anh H kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cách đây gần 02 năm. Anh H hiện đi làm nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà, khu không biết anh H đi làm ở đâu vì anh H không báo với khu. Nay chị H xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H; Chị H xin nhận nuôi con Phạm Tuệ N, sinh ngày 27/02/2020 và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt: BLTTDS). Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đào Thị H ly hôn anh Phạm Trung H. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đào Thị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phạm Tuệ Nhi, sinh ngày 27/02/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Chị Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- **Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Căn cứ vào công văn trả lời của Công an phường B, thành phố Hải Dương thì anh Phạm Trung H đăng ký hộ khẩu thường trú tại 43 Duy Tân, phường B, thành phố Hải Dương (Hiện nay địa chỉ là: 43 B, phường B, thành phố Hải Dương). Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy lời khai, tiến hành xác minh với gia đình anh H, trưởng khu đều xác định anh H hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nêu trên. Anh H hiện nay đi làm nay đây mai đó, thỉnh thoảng vẫn về nhà, không nói cho gia đình biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Theo công văn trả lời số 31653/QLXNC – P3 ngày 23/11/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an thì chưa có thông tin xuất nhập cảnh của anh Phạm Trung H. Như vậy thời điểm Tòa án thụ lý vụ án anh H không đi nước ngoài. Tại đơn ly hôn chị H đã ghi đầy đủ địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh H, khi anh H đi làm ăn không nói cho chị H, gia đình, chính quyền địa phương biết là đi đâu làm gì. Như vậy xác định anh H cố tình dấu địa chỉ gây khó khăn cho chị H trong việc giải quyết ly hôn. Do vậy, xác định địa chỉ của anh H là nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và nơi ở thuộc số 43 B, phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương.

- **Về sự vắng mặt của bị đơn và những người làm chứng:** Trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H tại địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở. Mẹ đẻ anh H đều xác định đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo đầy đủ nội dung cho anh H nhưng anh H không đến Tòa án tham gia tố tụng. Anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị H và anh Phạm Trung H kết hôn vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày do anh H chơi bời, không chịu khó làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thỉnh thoảng anh H còn đánh đập chị H. Từ tháng 9 năm 2021 đến nay chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay mỗi người ở một nơi và có công việc riêng, không quan tâm đến nhau. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không về chung sống với anh H.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua mẹ đẻ, niêm yết văn bản tố tụng tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú. Gia đình anh H đều xác định đã thông báo lại toàn bộ nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H. Thông qua gia đình anh H có quan điểm đồng ý ly hôn chị H nhưng do bận công việc nên không về Tòa án trình bày. Việc anh H không về Tòa án trình bày quan điểm về việc ly hôn với chị H thể hiện anh H cũng không còn tình cảm với chị H, không muốn vợ chồng quay về đoàn tụ.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử chị Đào Thị H ly hôn anh Phạm Trung H là phù hợp quy định pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị H xác định giữa chị và anh H có 01 con chung là Phạm Tuệ N, sinh ngày 27/02/2020. Hiện nay cháu N đang ở với chị H. Ly hôn chị H xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Thông quan gia đình anh H có quan điểm nếu chị H không nuôi con thì anh H cũng xin nhận nuôi con.

Xét thấy: Cháu Phạm Tuệ N hiện còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Chị H hiện đang làm công nhân có mức thu nhập ổn định, có thời gian và điều kiện chăm sóc cho con. Do vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Tuệ N cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa trình bày quan điểm về tài sản chung, nợ chung. Nếu sau này anh H có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án Hôn nhân gia đình khác.

[3]. Về án phí: Chị Đào Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đào Thị H ly hôn anh Phạm Trung H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đào Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Phạm Tuệ N, sinh ngày 27/02/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000622 ngày 18/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu

